



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 45

Ngày 03 tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

	Trang	
22-9-2022	Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	02
22-9-2022	Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND bổ sung đơn giá đất rừng phòng hộ vào Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020-2024) ban hành kèm theo Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.	05
23-9-2022	Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	07

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/2022/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 310/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, Công văn số 2370/STNMT-QLĐĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Công văn số 3031/STNMT-QLĐĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022

về việc đề nghị ban hành Quyết định bổ sung Quy định về tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể:

Bổ sung Khoản 7 và 8 Điều 7 như sau:

“7. Trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu tách một phần thửa đất ở để hợp vào thửa đất ở liền kề, sau khi hợp thửa diện tích đất ở của thửa đất mới không đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được phép tách thửa kết hợp với việc hợp thửa.

Thửa đất còn lại sau khi tách thửa phải đảm bảo diện tích và kích thước cạnh theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Được phép tách thửa đất không đảm bảo diện tích tối thiểu, kích thước cạnh theo quy định tại khoản 1, Điều 6 của Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời với việc chuyển quyền sử dụng đất cho nhà đầu tư thực hiện thỏa thuận nhận chuyển quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án đầu tư theo chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2022./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2022/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung đơn giá đất rừng phòng hộ vào Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020-2024) ban hành kèm theo Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất và Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 464/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đơn giá đất rừng phòng hộ vào Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020-2024) ban hành kèm theo Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 3 như sau:

“đ) Đất rừng phòng hộ”

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 9 như sau:

“5. Giá đất rừng phòng hộ

Đơn vị tính: Đồng/m²

TT	Phân vùng	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Đồng bằng	5.200	4.500	4.100
2	Trung du	4.500	3.800	3.400
3	Miền núi	3.800	3.300	2.700

”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2022./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2022/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 328/TTr-STNMT-QLDD ngày 06 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2022 và thay thế Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý

trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022

của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý (kể cả đất lâm nghiệp đã nhận bàn giao từ các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp trước thời điểm ban hành Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng quỹ đất lâm nghiệp sau khi thu hồi.

2. Các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp, được giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định.

Điều 3. Nguyên tắc ưu tiên trong quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi

1. Xây dựng các công trình công cộng.

2. Tạo quỹ đất dự phòng phục vụ bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng các công trình công cộng, các dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở địa phương không có đất hoặc thiếu đất sản xuất.

4. Cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

5. Diện tích đất giao không thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều này không được vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 129 Luật Đất đai. Diện tích vượt hạn mức theo quy định phải chuyển sang thuê đất.

Chương II

THU HỒI ĐẤT CỦA CÁC BAN QUẢN LÝ RỪNG, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT CÓ NGUỒN GỐC TỪ NÔNG LÂM TRƯỜNG

Điều 4. Đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ ranh giới đất có nguồn gốc từ nông lâm trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ ranh giới đất có nguồn gốc từ nông lâm trường đối với diện tích giữ lại và diện tích thu hồi để bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức đo đạc xác định cụ thể đối với diện tích giữ lại và diện tích thu hồi bàn giao cho địa phương theo Khoản 1, Điều này.

3. Căn cứ phương án quản lý, sử dụng đất tổng thể đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính đối với đất có nguồn gốc từ nông lâm trường sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận.

Điều 5. Thu hồi quỹ đất của các Ban quản lý rừng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp bàn giao cho địa phương

1. Các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, rà soát quỹ đất đề nghị thu hồi và thực hiện việc thanh lý rừng (nếu có) theo đúng quy định hiện hành, hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Thành phần hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp.
- b) Bản đồ địa chính (ranh giới) khu đất.
- c) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có).
- d) Văn bản liên quan đến việc thực hiện xong việc thanh lý rừng (nếu có).
- đ) Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính có liên quan đến việc sử dụng đất (nếu có).

2. Trong thời gian không quá 15 (Mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất và giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 6. Lập và phê duyệt phương án quản lý, sử dụng đất tổng thể

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng phương án quản lý, sử dụng đất tổng thể đối với quỹ đất lâm nghiệp bàn giao cho địa phương và quỹ đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thành phần hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình đề nghị thẩm định phương án quản lý, sử dụng đất.
- b) Dự thảo Phương án quản lý, sử dụng đất.
- c) Bản đồ tổng thể kèm theo phương án quản lý, sử dụng đất.

2. Nội dung phương án quản lý, sử dụng phải phù hợp với thực tế quản lý, sử dụng đất của địa phương và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- b) Phù hợp với quy định của pháp luật đất đai về phân loại đất, đối tượng sử dụng đất, hình thức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, hạn mức sử dụng đất, điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất;
- c) Giải quyết nhu cầu sử dụng đất cho các đối tượng ưu tiên theo quy định tại Điều 3 Quy định này;

d) Việc giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định các nội dung của phương án sử dụng đất tổng thể và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 7. Lập và phê duyệt phương án quản lý, sử dụng đất chi tiết

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ phương án quản lý, sử dụng đất tổng thể được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp các cơ quan, đơn vị cấp huyện khác có chức năng nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp, Lao động Thương binh xã hội, Hạ tầng đô thị, Tài chính kế hoạch... xây dựng phương án quản lý, sử dụng đất chi tiết gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án quản lý, sử dụng đất.

Thành phần hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án quản lý, sử dụng đất.
- b) Dự thảo Phương án quản lý, sử dụng đất.
- c) Bản đồ chi tiết phân lô kèm theo phương án quản lý, sử dụng đất.

2. Trong thời gian không quá 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án của Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và các cơ quan, đơn vị cấp huyện khác có chức năng nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực: Nông nghiệp, Lao động Thương binh xã hội, Hạ tầng đô thị, Tài chính kế hoạch... để kiểm tra, rà soát, thẩm định.

3. Căn cứ phương án đã được thống nhất tại Khoản 2 Điều này, trong thời gian không quá 05 (Năm) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thực hiện thông báo và niêm yết công khai tại trụ sở, thôn, tổ dân phố, điểm sinh hoạt cộng đồng trong thời gian 15 (Mười lăm) ngày để lấy ý kiến của người dân.

4. Sau khi kết thúc thời gian niêm yết Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp huyện có liên quan hoàn thiện phương án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để phê duyệt phương án.

5. Sau khi phương án sử dụng đất chi tiết được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thực hiện niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã và tại trụ sở, thôn, tổ dân phố, điểm sinh hoạt cộng đồng về quỹ đất tại phương án này để người dân biết và thực hiện đăng ký theo nhu cầu.

Chương III**QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ VIỆC GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT****ĐỐI VỚI QUỸ ĐẤT LÂM NGHIỆP****Điều 8. Thành lập Hội đồng thẩm định giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp**

Để đảm bảo giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định, đúng đối tượng, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. Thành phần Hội đồng gồm đại diện Lãnh đạo UBND cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng; đại diện Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cấp huyện khác có chức năng nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp, Lao động Thương binh xã hội, Hạ tầng đô thị, Tài chính kế hoạch, các cơ quan, đơn vị liên quan và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất là ủy viên Hội đồng.

Điều 9. Lựa chọn và phê duyệt đối tượng giao đất, cho thuê đất

1. Căn cứ vào quy định này trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Đơn đăng ký nhu cầu xin giao đất, thuê đất của các hộ gia đình, cá nhân. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm họp, kiểm tra, rà soát để lựa chọn đối tượng giao đất, thuê đất theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở địa phương không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất trong hạn mức quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai 2013.

b) Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở địa phương không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất trong hạn mức quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai 2013.

c) Các đối tượng còn lại và đối tượng nêu tại điểm a và điểm b, khoản 1 Điều này nếu vượt hạn mức giao đất thì áp dụng hình thức thuê đất. Trong trường hợp có nhiều đối tượng cùng có nhu cầu thuê đất tại cùng một thửa đất thì Hội đồng xem xét nhu cầu sử dụng đất cụ thể của từng hộ gia đình, cá nhân để lựa chọn đảm bảo công bằng, minh bạch.

2. Căn cứ vào nội dung đã được thống nhất, trong thời gian không quá 05 (Năm) ngày làm việc, Chủ tịch Hội đồng có nhiệm vụ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để phê duyệt thống nhất đối tượng được giao đất, thuê đất. Trong thời hạn không quá 05 (Năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và có văn bản phê duyệt.

3. Việc lựa chọn đối tượng giao đất, cho thuê đất được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 10. Thực hiện việc giao đất, cho thuê đất

1. Sau khi nhận được văn bản phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ gửi văn bản Thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến các hộ gia đình, cá nhân được giao đất, cho thuê đất biết để thực hiện các thủ tục theo đúng pháp luật. Thông báo phải nêu rõ thời gian và các giấy tờ có liên quan để thực hiện việc giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian không quá 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày nhận Thông báo, các hộ gia đình, cá nhân được thống nhất hình thức giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trung tâm Hành chính công cấp huyện để hướng dẫn trình tự thủ tục giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định.

Sau thời gian này nếu hộ gia đình, cá nhân được giao đất, cho thuê đất không thực hiện (trừ trường hợp có lý do chính đáng) thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét hủy bỏ kết quả và bổ sung trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đối với hộ gia đình, cá nhân theo thứ tự ưu tiên tiếp theo.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt; ký hợp đồng cho thuê đất đối với trường hợp thuê đất; phối hợp chỉnh lý bản đồ địa chính (nếu có) để cấp Giấy chứng nhận, bàn giao đất trên thực địa và cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các nội dung sau:

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức đo đạc xác định cụ thể đối với diện tích giữ lại và diện tích thu hồi bàn giao cho địa phương theo đề án hoặc phương án sắp xếp, đổi mới và phát triển công ty nông, lâm nghiệp, phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát quỹ đất lâm nghiệp bàn giao cho địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất và giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

c) Thẩm định các nội dung của phương án sử dụng đất tổng thể do Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Xây dựng Kế hoạch cụ thể về việc kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất lâm nghiệp sau khi thu hồi và giao cho các địa phương.

e) Có nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan kiểm tra, rà soát tình hình quản lý sử dụng đất của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đối với phần diện tích sử dụng đất sai mục đích, để bị lấn chiếm, không có nhu cầu sử dụng và vi phạm pháp luật đất đai để giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và lập phương án sử dụng đất.

g) Căn cứ vào kết quả báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Khoản 6 Điều 12 quy định này, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi và giao cho các địa phương quản lý trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

a) Tăng cường chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp sử dụng đất lâm nghiệp hiệu quả, đúng mục đích, hạn chế tình trạng cho thuê lại, để bị lấn chiếm và chỉ đạo rà soát diện tích đất lâm nghiệp không có nhu cầu để giao lại cho các địa phương quản lý theo đúng quy định này.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương, các sở ngành tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 65/CT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2015 và các quy định về quản lý, bảo vệ rừng.

c) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan thực hiện thanh lý rừng (nếu có) đối với quỹ đất do các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp trả lại để Nhà nước thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

3. Các sở, ban, ngành liên quan:

Các sở, ban, ngành có liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiêm túc quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng phương án quản lý, sử dụng đất tổng thể đối với quỹ đất bàn giao cho địa phương và quỹ đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

2. Chỉ đạo việc quản lý, sử dụng quỹ đất lâm nghiệp sau khi thu hồi giao quản lý và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý theo đúng quy định của pháp luật và quy định này.

3. Thường xuyên chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật đất đai trong quá trình quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi giao quản lý.

4. Chỉ đạo việc hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng cho thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích theo quy định tại Quy định này.

5. Tổ chức rà soát diện tích đất lâm nghiệp đã giao, đang có người sử dụng nhưng sai đối tượng, vượt hạn mức, chưa lập hồ sơ thuê đất theo quy định để yêu cầu chuyển sang thuê đất theo quy định của Luật Đất đai; xử lý dứt điểm các diện tích bị lấn, bị chiếm để đưa vào phương án cho thuê; tăng cường phối hợp với các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp quản lý rừng và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu các đơn vị này sử dụng đất sai quy định, để bị lấn, chiếm.

6. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về quản lý, sử dụng quỹ đất lâm nghiệp sau khi thu hồi giao quản lý trên địa bàn.

7. Căn cứ vào kết quả báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã tại Khoản 6 Điều 13 quy định này, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình, quản lý sử dụng đất đất lâm nghiệp sau khi thu hồi, giao quản lý trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện kiểm tra, rà soát quỹ đất lâm nghiệp hiện đang quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện việc quản lý, giao đất, cho thuê theo đúng quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp huyện để quản lý quỹ đất lâm nghiệp theo quy định này, kịp thời tham mưu, xử lý các trường hợp lấn, chiếm quỹ đất giao quản lý. Thực hiện rà soát, đăng ký đất lâm nghiệp để quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật nếu để xảy ra tình trạng lấn, chiếm đất; sử dụng đất quỹ đất lâm nghiệp thu hồi không đúng mục đích.

4. Thực hiện kiểm tra, rà soát tổng hợp danh sách các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai, các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu tại địa bàn quản lý để trình Hội đồng thẩm định.

5. Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan để kiểm tra, rà soát xác định nguồn gốc sử dụng đất, đối tượng sử dụng đất đối với các trường hợp xử lý chuyển tiếp theo quy định này.

6. Kiểm tra, rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi, giao quản lý trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

Điều 14. Các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp

Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp có nhiệm vụ sử dụng đất đúng mục đích được giao, thuê còn đối với diện tích đất không có nhu cầu sử dụng tiến hành kiểm tra, rà soát và lập thủ tục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi, giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 15. Các hộ gia đình, cá nhân được giao đất, thuê đất lâm nghiệp

Các hộ gia đình, cá nhân được giao đất, thuê đất lâm nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật đất đai, lâm nghiệp và quy định hiện hành.

Điều 16. Kinh phí tổ chức thực hiện đo đạc, lập hồ sơ ranh giới; đo đạc, thực hiện phương án quản lý, sử dụng đất chi tiết đối với đất có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư kinh phí trong việc đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ ranh giới đất có nguồn gốc từ nông lâm trường đối với diện tích giữ lại và diện tích thu hồi để bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

2. Trong khi chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động sử dụng từ nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, thực hiện phương án quản lý, sử dụng đất chi tiết sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận.

Điều 17. Xử lý chuyển tiếp đối với quỹ đất các địa phương đã nhận bàn giao trước ngày 13/7/2020 (ngày ban hành Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh) nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi, giao đất

1. Đối với quỹ đất lâm nghiệp có nguồn gốc từ nông lâm trường do các địa phương tiếp nhận bàn giao và đã tạm giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, đúng đối tượng hoặc đã có quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất nhưng chưa lập đầy đủ thủ tục thu hồi, giao đất thì rà soát để tiếp tục thực hiện thủ tục giao, thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân mà không phải lập thủ tục thu hồi, giao đất.

2. Đối với quỹ đất lâm nghiệp có nguồn gốc từ nông lâm trường có nguồn gốc do hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2014 nhưng nằm trong phạm vi quỹ đất lâm nghiệp bàn giao về địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, rà soát để xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 20 và Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

3. Đối với quỹ đất lâm nghiệp có nguồn gốc từ nông lâm trường do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý và chưa phê duyệt phương án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan thực hiện xây dựng phương án sử dụng đất theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của quy định này mà không phải lập thủ tục thu hồi, giao đất và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.